TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bẩy

Ông Mai Văn Duẩn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn CL, xã BĐ, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: Số Nhà 15C, ngõ 321/12 phường PL, quận LB, thành phố Hà Nội. Vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn CL, xã BĐ, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt;

NỘI D VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:* Chị và anh Nguyễn Bá Đ tự được do tìm hiểu và tự nguyện Đ ký kết hôn ngày 12/09/2013 tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị về sống chung cùng gia đình anh Đ tại xã BĐ, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Năm 2017, thì anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Kể từ khi anh Đ đi nước ngoài vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh Đ chỉ về thăm gia đình được một lần duy nhất từ năm 2017 đến nay. Do khoảng cách địa lý, vợ chồng không có tiếng nói chung, kinh tế riêng biệt, anh Đ cũng không gửi tiền về cho gia đình để nuôi dưỡng con

chung. Tính đến nay vợ chồng đã ly thân được 06 năm, chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn TH, sinh ngày 20/07/2016. Hiện nay cháu đang sống cùng với chị, do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Hải cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Bá Đ* hiện đang lao động và làm việc nên tại NB nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Tấm là mẹ đẻ của anh Đ thì bà trình bày như sau: Anh Đ và chị D tự nguyện Đ ký kết hôn ngày 12/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Định. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn như nào thì bà không rõ. Sau khi bà thông báo cho anh Đ biết việc chị D đề nghị ly hôn với anh Đ thì anh Đ có quan điểm đồng ý ly hôn với chị D để hai bên ổn định cuộc sống.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Hải, sinh ngày 20/07/2016. Hiện nay cháu Hải đang do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải, bà sẽ chăm sóc cháu Hải trong thời gian anh Đ đang ở nước ngoài. Anh Đ không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con. Bà Tấm đồng ý nhận thay các văn bản của Tòa án và cam kết thông báo cho anh Đ được biết.

Bị đơn hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị D xin xét xử vắng mặt và anh Nguyễn Bá Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Bá Đ.

Con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Hải, sinh ngày 20/7/2016 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không giải quyết.

Tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị D đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Bá Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của chị Trần Thị D, anh Nguyễn Bá Đ có Đ ký hộ khẩu thường trú tại thôn Cổ Lãm, xã Bình Định, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ lý vụ án anh Nguyễn Bá Đ lao động Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Ninh được biết, anh Nguyễn Bá Đ đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 20/5/2023 qua cửa khẩu Nội Bài và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị D có đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh Nguyễn Bá Đ đang sinh sống và làm việc Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Tấm là mẹ đẻ của anh Đ về việc cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Nhật Bản nhưng bà Tấm không cung cấp được cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của anh Đ thông qua bà Tấm và bà cam kết thông báo lại cho anh Đ nội D các văn bản tố tụng. Anh Đ đã biết việc chị D khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn. Do vậy, cần xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Nội D vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Bá Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã Đ ký kết hôn ngày 12/09/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đình, huyện Lương Tài nên đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị D và anh Nguyễn Bá Đ là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi anh Đ đi lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung.

Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, từ năm 2017 đến nay vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Bá Đ.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn Hải, sinh ngày 20/07/2016. Hiện nay cháu Hải đang do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn cả hai bên đều xin được nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ chung của cả hai vợ chồng. Hiện anh Đ đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tài sản chung, công nợ chung: Anh Đ và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Bá Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Hải, sinh ngày 20/7/2016 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác của pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Anh Nguyễn Bá Đ có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

2. Án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000090 ngày 10/10/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai